

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

Bản án số: 06/2021/HS-ST
Ngày 21 - 01 - 2021

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phùng Đình Chúc

Bà Nguyễn Thị Ngọc Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:
Bà Kiều Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 80/2020/HSST ngày 30 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo:

- Bị cáo:

Trần Giang N (tên gọi khác: Không), sinh năm 1979; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: thôn Đ 2, phường Đ1, thành phố V, tỉnh Vĩnh phúc; nghề nghiệp: Khi phạm tội là giáo viên trường THCS H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; trình độ văn hóa: 12/12; đoàn thể, đảng phái: Đảng viên Đảng cộng sản Việt N; ngày 17/7/2020, Ủy ban kiểm tra huyện ủy T đã có quyết định đình chỉ sinh hoạt Đảng; Quốc tịch: Việt N; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Mạnh T, sinh năm 1948 và con bà Đỗ Thị A, sinh năm 1953; có vợ là Nguyễn Thị P (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2008;

Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/7/2020 đến nay (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị Thùy D là Luật sư văn phòng Luật sư 99 - Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt);

- Bị hại: Ông Đỗ G S, sinh năm 1957; trú tại: Số 15, đường Ô, phường Đ1, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt);

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Trần Văn M, sinh năm 1984; Trú tại: Số nhà 04, ngõ 88, phố A, phường K, quận A, thành phố Hà Nội (vắng mặt);

+ Bà Đỗ Thị B, sinh năm 1953; Trú tại: thôn Đ 2, phường Đ1, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 24/11/2018, Trần Giang N đến nhà ông Đỗ G S trú tại số 15, đường Ô, phường Đ1, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc mục đích thuê xe ô tô tự lái làm phương tiện đi lại. N thỏa thuận thuê của ông S thuê xe ô tô nhãn hiệu TUCSON, BKS 88A- 119.56, thời hạn thuê là 03 tháng từ ngày 24/11/2018 đến ngày 24/02/2019, giá thuê 21.000.000đ/tháng, hai bên ký hợp đồng thuê xe. Sau đó, ông S giao xe ô tô BKS 88A- 119.56 cùng các giấy tờ gồm 01 đăng kiểm xe, 03 bảo hiểm trách nhiệm dân sự, 01 bản photo đăng ký xe mang tên Đỗ G S. Sau khi thuê xe, N sử dụng làm phương tiện đi lại. Khi hết thời hạn thuê xe, N xin gia hạn thuê xe đã được ông S đồng ý, hai bên thỏa thuận miệng mà không làm hợp đồng. Đến tháng 7 năm 2019, N nảy sinh ý định cầm cố xe ô tô BKS 88A- 119.56 thuê của ông S lấy tiền tiêu sài cá nhân. Thông qua sự giới thiệu của anh Phạm H ở phường Mai Dịch, quận E, Hà Nội, N đã liên hệ với ông Trần Văn M, trú tại phường Hàng C, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội để cầm cố xe. Vào khoảng 17 giờ ngày 20/7/2019, N điều khiển xe ô tô BKS 88A- 119.56 đến quán cầm đồ của ông Trần Văn M tại nhà số 5, ngõ 48, đường C, phường D, quận E, Hà Nội. Tại đây, N gặp ông M và anh Nguyễn Tuấn G (anh G là nhân viên quán cầm đồ, làm thuê cho ông M), N đặt vấn đề cầm cố xe ô tô BKS 88A- 119.56 vay 250.000.000đ để giải quyết công việc. Ông M và anh Tuấn G hỏi về nguồn gốc xe ô tô thì N nói dối là xe N vừa mua lại nhưng chưa làm thủ tục sang tên đổi chủ. Do biết N là giáo viên nên ông M và anh G đã tin tưởng và đồng ý nhận cầm cố xe ô tô BKS 88A- 119.56 để cho N vay 250.000.000đ, lãi suất 1.000đ/01 triệu/01 ngày. Để bảo đảm cho việc N trả tiền sau này, ông M và anh G yêu cầu N viết giấy bán xe ô tô BKS 88A- 119.56 chứ không viết giấy cầm cố xe. N đồng ý và viết giấy bán xe, nội dung bán cho anh Nguyễn Tuấn G xe ô tô BKS: 88A - 119.56 với giá 550.000.000đ và nhận trước 250.000.000đ, hẹn trong 20 ngày sẽ sang tên cho anh G và nhận nốt số tiền còn lại. Sau khi nhận cầm cố xe, ông M đã điều khiển xe ô tô BKS 88A- 119.56 đến gửi ở nhà chị Đỗ Thị Phương I, trú tại xã K, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Toàn bộ số tiền có được từ việc cầm cố xe, N đã tiêu sài cá nhân hết. Tháng 7 năm 2019, khi hết thời hạn gia hạn thuê xe ông S đã nhiều lần yêu cầu N trả xe, nhưng do không có tài sản gì cũng như không khả năng chuộc lại xe để trả lại cho ông S

nên N nói dối là cho mượn xe và hứa sẽ trả xe cho ông S. Sau rất nhiều lần yêu cầu nhưng N không trả xe và biết được N đã cầm cố xe nên đến ngày 09/02/2020, ông S trình báo sự việc đến cơ quan Công an.

Ngày 21/5/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố V đã tạm giữ từ chị Đỗ Thị Phương I, trú tại thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên 01 chiếc xe ô tô BKS: 88A-119.56; 01 giấy chứng nhận kiểm định đối với xe ô tô BKS: 88A-11956; 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô số 0000423986; 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô số 004529102; 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe ô tô số 0000423986.

Ngày 25/5/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố V đã Yêu cầu định giá tài sản đối với chiếc xe ô tô BKS: 88A-11956. Tại bản kết luận số 75/KL-HĐĐG, ngày 27/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố V kết luận trị giá chiếc xe ô tô nêu trên là 550.000.000đ.

Ngày 26/5/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố V đã tạm giữ từ anh Nguyễn Tuấn G ở phường Trưng Nhị, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc một giấy bán xe đề ngày 20/7/2019.

Ngày 01/6/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố V ra Quyết định trưng cầu giám định số 274/TCGD trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định chữ viết và chữ ký tại Hợp đồng cho thuê xe ô tô tự lái và Giấy bán xe so với chữ viết và chữ ký của Trần Giang N. Ngày 20/6/2020, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: Chữ viết và chữ ký trên Hợp đồng cho thuê xe ô tô tự lái và Giấy bán xe so với chữ viết và chữ ký của Trần Giang N là do cùng một người ký, viết ra.

Ngày 02/7/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố V đã trả lại xe ô tô BKS: 88A-119.56 và giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Đỗ G S. Sau khi nhận lại tài sản ông S không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho Trần Giang N.

Ngày 09/7/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố V đã tạm giữ 01 điện thoại Iphone 6 Plus màu vàng đồng của Trần Giang N. Quá trình điều tra xác định chiếc điện thoại này không liên quan đến hành vi phạm tội của Trần Giang N.

Đối với ông Trần Văn M, Nguyễn Tuấn G là người nhận cầm cố xe ô tô BKS: 88A-119.56 từ Trần Giang N. Quá trình điều tra xác định Trần Văn M, Nguyễn Tuấn G không biết chiếc xe trên do N chiếm đoạt mà có nên hành vi của Trần Văn M và Nguyễn Tuấn G không cấu thành tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”. Do vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý trách nhiệm hình sự đối với Trần Văn M, Nguyễn Tuấn G. Tuy nhiên đối với hành vi nhận cầm cố tài sản khi không có giấy phép kinh doanh dịch vụ cầm đồ của

Trần Văn M và Nguyễn Tuấn G đã vi phạm Khoản 4 Điều 8 Nghị định 185/2013/NĐ-CP ngày 15/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Vĩnh Phúc có văn bản đề nghị Công an quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội xử lý hành chính đối với Trần Văn M, Nguyễn Tuấn G.

Đối với anh Phạm G là người đã giới thiệu Trần Giang N cầm cố xe cho ông Trần Văn M. Quá trình điều tra xác định anh Phạm G không biết mục đích chiếm đoạt tài sản của N, nên hành vi của anh Phạm G không đồng phạm với N về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, vì vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với chị Đỗ Thị Phương I là người được Trần Văn M gửi nhờ xe ô tô BKS 88A-11956. Quá trình điều tra xác định khi nhận giữ xe ô tô trên chị I không biết về nguồn gốc xe ô tô và cũng không tham gia, bàn bạc, thống nhất việc cầm cố xe ô tô. Do vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bà Đỗ Thị B (mẹ Trần Giang N) đã bồi thường cho ông Trần Văn M số tiền 50.000.000đ. Sau khi nhận số tiền trên ông M không yêu cầu Trần Giang N phải trả lại số tiền gốc còn lại là 200.000.000đ và tiền lãi. Ông M xin giảm nhẹ hình phạt cho Trần Giang N.

Cáo trạng số: 82/CT-VKS-P1 ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc truy tố bị cáo Trần Giang N về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Trần Giang N mức hình phạt từ 09 năm đến 09 năm 06 tháng tù.

Áp dụng Điều 47; Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy 03 giấy chứng nhận bảo hiểm TNDS (có đặc điểm như trong biên bản tạm giữ) đã thu của bị hại do đã hết thời hạn và không còn giá trị sử dụng; Trả lại cho Trần Giang N 01 điện thoại Iphone 6 (có đặc điểm như trong biên bản tạm giữ) vì không liên quan đến việc thực hiện tội phạm nhưng tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án; xác nhận cơ quan điều tra đã thu giữ và trả cho ông Đỗ G S xe ô tô BKS: 88A - 119.56 và 01 giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô là hợp pháp.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Giang N có quan điểm: Hoàn toàn đồng ý với tội danh và điều luật áp dụng do Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc truy tố đối với bị cáo Trần Giang N về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015. Về hình phạt đề nghị

Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của bị cáo để xử bị cáo mức hình phạt thấp nhất do pháp luật quy định.

Bị cáo Trần Giang N hoàn toàn đồng ý với luận cứ do Luật sư bào chữa đưa ra, không có bổ sung gì. Bị cáo đề nghị hội đồng xét xử áp dụng hình phạt thấp nhất để bị cáo nhanh chóng cải tạo về chăm sóc bố mẹ già và nuôi con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Trần Giang N đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố. Xét lời nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lời khai của người làm chứng, biên bản thu giữ vật chứng, các kết luận giám định của cơ quan chuyên môn... và những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thu thập khách quan, đúng pháp luật. Từ đó có đủ căn cứ để xác định: Ngày 24 tháng 11 năm 2018, Trần Giang N thuê xe ô tô BKS: 88A - 119.56 của ông Đỗ G S để làm phương tiện đi lại. Đến tháng 7 năm 2019 do cần tiền tiêu sài cá nhân, Trần Giang N đã cầm cố chiếc xe trên cho ông Văn M để lấy số tiền 250.000.000đ. Sau khi nhận số tiền cầm cố xe Trần Giang N đã tiêu sài cá nhân hết, dẫn đến không có tiền để chuộc lại xe trả cho bị hại Đỗ G S. Tại bản kết luận số 75/KL-HĐĐG, ngày 27/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố V kết luận trị giá chiếc xe ô tô nêu trên là 550.000.000đ đã thu hồi trả lại cho bị hại.

Hành vi thuê xe ô tô BKS: 88A - 119.56 của bị hại để làm phương tiện đi lại, sau đó cầm cố xe lấy tiền tiêu sài cá nhân dẫn đến không có khả năng trả lại xe của Trần Giang N đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xét về nhân thân của bị cáo, tính chất mức độ thực hiện tội phạm và giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt

cũng như hậu quả xảy ra thì hành vi của Trần Giang N đã phạm vào khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

“ 1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc....., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

.....

4. Phạm tội chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 500.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm”.

Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội. Vì vậy cần phải xử phạt nghiêm nhằm mục đích giáo dục riêng và phòng ngừa chung, phục vụ tốt việc giữ vững an ninh chính trị tại địa phương để làm gương cho người khác.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng cân nhắc, xem xét đến tính chất cũng như mức độ thực hiện tội phạm và hậu quả xảy ra, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo; thấy rằng:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân tốt, lần đầu bị xử lý trước pháp luật, quá trình giải quyết vụ án bị cáo Trần Giang N luôn khai báo đầy đủ hành vi đã thực hiện; tài sản do bị cáo chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho bị hại và bị hại có đơn xin giảm hình phạt cho bị cáo; bà Đỗ Thị B (là mẹ của bị cáo) đã khắc phục hậu quả thay cho bị cáo; bị cáo có thời gian phục vụ trong quân đội đã hoàn thành nghĩa vụ trở về địa phương; quá trình công tác được các cơ quan có thẩm quyền khen thưởng; bị cáo có hoàn cảnh gia đình éo le do đã ly hôn vợ lại phải có nghĩa vụ nuôi con nhỏ; gia đình bị cáo có công với nước do người thân được Nhà nước tặng nhiều huân, huy chương nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Giang N không bị áp dụng tình tiết tăng nặng nào theo quy định của pháp luật.

Sau khi xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo cũng như tính chất mức độ thực hiện tội phạm thấy rằng: Xuất phát từ mục đích vụ lợi, bị cáo bất chấp quy định của pháp luật lợi dụng vào sự tin tưởng của người khác giao tài sản cho bị cáo để chiếm đoạt nên cần áp dụng hình phạt nghiêm nhằm giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung. Tuy nhiên bị cáo là người có nhân thân tốt, lần đầu bị xử lý trước pháp luật được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ và không bị áp dụng tình tiết tăng nặng nào nên

có cơ sở để quyết định hình phạt dưới mức khung theo quy định của pháp luật. Đây cũng là cơ hội để bị cáo yên tâm cải tạo sớm hoàn lương.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 quyết định hình phạt tù dưới mức khởi điểm do điều luật quy định là phù hợp quy định của pháp luật cần chấp nhận.

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo chiếm đoạt là xe ô tô đã được thu hồi trả lại cho bị hại, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị hại không có yêu cầu gì về bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Xử lý vật chứng:

- Đối với 03 giấy chứng nhận bảo hiểm TNDS (có đặc điểm như trong biên bản tạm giữ) cần trả lại cho ông Đỗ G S. Tuy nhiên những giấy tờ này hiện nay đã hết hạn không còn giá trị sử dụng và bị hại không yêu cầu trả lại nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại Iphone 6 (có đặc điểm như trong biên bản tạm giữ) trả lại cho bị cáo Trần Giang N do không liên quan đến việc thực hiện tội phạm nhưng tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo Trần Giang N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Trần Giang N phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Giang N 09 (chín) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt 09/7/2020.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47; Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy 03 giấy chứng nhận bảo hiểm TNDS (có đặc điểm như trong biên bản tạm giữ) do không còn giá trị sử dụng; Trả lại cho Trần Giang N 01 điện thoại Iphone 6 (có đặc điểm như trong biên bản tạm giữ) vì không liên quan đến việc thực hiện tội phạm nhưng tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Về án phí: Bị cáo Trần Giang N phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh phúc;
- Phòng HS - Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Duy Sơn